Câu 1.

Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A. lức lở

B. liềm lở

C. tính lết

D. lan can

Câu 2.

Câu thơ nào dưới đây có sử dụng biện pháp so sánh?

A. Tiếng chim ánh ỏi cành cao

Lung linh nắng mật ngọt vào không gian.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

B. Vườn hoa nhỏ trước cổng trường

Tháng năm xanh mướt, sắc hương nồng nàn.

(Nguyễn Lãm Thắng)

C. Sau làn mưa bụi tháng Ba

Lá tre bỗng đỏ như là lửa thiêu.

(Trần Đăng Khoa)

D. Trường em ngói mới đỏ hồng

Mọc lên tươi thắm giữa đồng lúa xanh.

(Nguyễn Bùi Vợi)

Câu 3.

Những loài vật nào xuất hiện trong đoạn thơ sau?

Chẳng đâu bằng chính nhà em

Có đàn chim sẻ bên thềm líu lo

Có nàng gà mái hoa mơ

Cục ta cục tác khi vừa đẻ xong.

(Đoàn Thị Lam Luyến)

A. chim sáo, gà trống

B. chim hoạ mi, gà mái

C. chim sâu, chim ri

D. chim sẻ, gà mái

Câu 4.

Đáp án nào dưới đây chỉ gồm động từ?

A. ủng hộ, căn hộ

B. kế thừa, nhiệt kế

C. đề phòng, đề cập

D. tụ hội, lễ hội

Câu 5.

Trong đoạn thơ dưới đây, mẹ của bạn nhỏ làm nghề gì?

Và con đường của mẹ

Là ở trên cánh đồng

Cỏ ruộng dâu xanh tốt

Thảm lúa vàng ngát hương.

(Thanh Thảo)

A. bác sĩ

B. nông dân

C. y tá

D. giáo viên

Câu 6.

Câu nào dưới đây là tục ngữ?

A. Ăn kĩ no nê, cày sâu tốt lúa.

B. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.

C. Ăn kĩ no nhanh, cày sâu tốt lúa.

D. Ăn kĩ no nhanh, cày sâu cuốc bẫm.

Câu 7.

Những sự vật trong khổ thơ dưới đây được nhân hoá bằng cách nào?

Gió sớm từ đâu tới

Lá thức giấc lao xao

Xoan vươn mình hít thở

Bưởi soi gương bờ ao.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

A. Dùng từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để tả vật

B. Trò chuyện với vật như với người

C. Gọi vật bằng những từ ngữ chỉ người

Câu 8.

Những hoạt động nào có trong bức tranh sau?

A group of children flying kites on a buffalo

Description automatically generated

A. thả diều, chạy nhảy

B. múa hát, bơi lội

C. đạp xe, đọc sách

D. ăn uống, vẽ tranh

Câu 9.

Đoạn thơ dưới đây có những tính từ nào?

Đôi bàn tay be bé

Nhanh nhẹn ai biết không?

Chiều tưới cây cho ông

Tối chép thơ tặng bố.

(Nguyễn Lãm Thắng)

A. tưới, chép

B. ông, bố

C. bàn tay, cây

D. be bé, nhanh nhẹn

Câu 10.

Bức tranh nào dưới đây có thể dùng để minh hoạ cho khổ thơ sau?

Tiếng dừa làm dịu nắng trưa

Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo

Trời trong đầy tiếng rì rào

Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra...

(Trần Đăng Khoa)

A. A person on a boat in a lake surrounded by pink flowers

Description automatically generated

B. A river with trees and bushes

Description automatically generated

C.  A flock of birds flying over a marshy area

Description automatically generated

D. A group of people flying kites on a river

Description automatically generated

Câu 11.

Từ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

A. kính mắt

B. kính mến

C. kính yêu

D. kính trọng

Câu 12.

Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây nói về vẻ đẹp thiên nhiên?

A. Sáng nắng chiều mưa

B. Uống nước nhớ nguồn

C. Lên thác xuống ghềnh

D. Non xanh nước biếc

Câu 13.

Sắp xếp các tiếng sau để tạo thành một câu văn hoàn chỉnh.

tia / nắng / ong. / Những / mùa / ươm / thu / như / vàng / mật

A. Những tia nắng mùa thu vàng hoe như mật ong.

B. Những tia nắng mùa thu vàng ươm như mật ong.

C. Những tia nắng mùa thu vàng tươi như mật ong.

D. Những tia nắng mùa thu vàng như mật ong.

Câu 14.

Đáp án nào dưới đây thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành câu có biện pháp so sánh?

Water droplets on grass with sun shining through

Description automatically generated

Những giọt sương sớm như [...]

A. những hạt na đen nhánh

B. tấm gương khổng lồ

C. những hạt pha lê lấp lánh

D. chiếc khăn voan mỏng manh

Câu 15.

Câu văn nào dưới đây sử dụng biện pháp nhân hoá để miêu tả bức tranh sau?

A mountain range with clouds and trees

Description automatically generated

A. Mây trắng xoá trôi về phía cuối chân trời.

B. Những đám mây trắng xốp như những chiếc kẹo bông.

C. Những đám mây trắng xốp như chiếc khăn bông ấm áp.

D. Mây dịu dàng ôm quanh những ngọn núi.

Câu 16.

Giải câu đố sau:

Không sắc thì chỉ là ba

Đến khi có sắc hoá ra rất nhiều.

Từ có sắc là từ nào?

A. bốn

B. tám

C. chín

D. tá

Câu 17.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống sau:

Tớ mới mượn được quyển sách này [[.]]

Quyển sách này hay lắm [[!]]

Cậu chưa trả quyển sách này cho thư viện à [[?]]

Câu 18.

Điền "r/d" hoặc "gi" vào chỗ trống sau:

để [[d]]ành

tranh [[gi]]ành

Câu 19.

Chọn từ thích hợp trong ngoặc để điền vào chỗ trống sau:

(đã, sẽ, đang)

Chúng em [[sẽ]] được đi tham quan lăng Bác vào tuần sau.

Hà My [[đã]] nhận được danh hiệu Học sinh Giỏi vào năm ngoái.

Chúng em [[đang]] chơi đá bóng thì trời đổ mưa.

Câu 20.

Chọn các từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống sau:

(đường, sông, mơ, me)

Con đò lá trúc qua [[sông]]

Trái [[me]] tròn trĩnh, quả bòng đung đưa

Bút nghiêng lất phất hạt mưa

Bút chao gợn nước Tây Hồ lăn tăn.

(Theo Hồ Minh Hà)

Câu 21.

Điền dấu câu thích hợp vào đoạn hội thoại sau:

Thấy Nam lúi húi mãi bên giá sách [[,]] mẹ liền hỏi [[.]]

- Có chuyện gì thế con [[?]]

Nam nói vọng ra:

- Con đang tìm mấy quyển sách cũ để quyên góp cho các bạn vùng cao ạ.

[[?]] Thế trường con có nhận quyên góp quần áo cũ không?

- Dạ có mẹ ạ! Mẹ lấy cho con với nhé!

Câu 22.

Điền "ch" hoặc "tr" vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

Không gian như lắng sâu

Những dòng sông lấp lánh

Trái [[ch]]ín như chùm nắng

Ẩn hiện [[tr]]ong vòm cây.

(Theo Nguyễn Trọng Hoàn)

Câu 23.

Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để hoàn thiện đoạn văn miêu tả con chuồn chuồn.



(dày, mỏng, sáng sủa, dẹt, tròn)

Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh [[mỏng]] như giấy bóng. Cái đầu [[tròn]] và hai con mắt long lanh như thuỷ tinh.

(Theo Nguyễn Thế Hội)

Câu 24.

Điền cặp từ có nghĩa trái ngược nhau để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Đi hỏi [[già]] , về nhà hỏi [[trẻ]].

Câu 25.

Đoạn văn miêu tả cây trám đen đang bị đảo lộn trật tự các ý. Em hãy sắp xếp lại bằng cách đánh số thứ tự đúng vào ô trống trước các câu văn miêu tả.

[2] Thân cây cao vút, thẳng như một cột nước từ trên trời rơi xuống.

[1] Ở đầu bản tôi có mấy cây trám đen.

[4] Trên cái gọng ô ấy xoè tròn một chiếc ô xanh ngút ngát.

[3] Cành cây mập mạp, nằm ngang, vươn toả như những gọng ô.

Câu 26.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ có nghĩa giống nhau.

hi vọng [(mong chờ)]

tức giận [(phẫn nộ)]

quán quân [(vô địch)]

sung túc [(đầy đủ)]

ngây thơ [(ngây ngô)]

Câu 27.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ có nghĩa trái ngược.

ưu điểm [(nhược điểm)]

khoẻ mạnh [(ốm yếu)]

giữ gìn [(phá hoại)]

kiêu căng [(khiêm tốn)]

bằng phẳng [(mấp mô)]

Câu 28.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành từ.

trăm [(nghìn)]

trí [(tuệ)]

chí [(lí)]

cư [(trú)]

chăm [(chú)]

Câu 29.

Hãy ghép các từ ở cột bên trái với nhóm thích hợp ở cột bên phải.

rèn luyện, biên soạn, chọn lọc [(Động từ)]

tài liệu, hồ sơ, văn bản [(Danh từ)]

điềm tĩnh, kiên trì, nhẫn nại [(Tính từ)]

Câu 30.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành câu hoàn chỉnh.

Đàn vịt [(lạch bạch đi trong sân.)]

Chim hải âu [(chao liệng trên mặt biển.)]

Ốc sên [(chậm rãi bò trên tường.)]

Con bò vàng [(thung thăng ra đồng gặm cỏ non.)]

Con ếch [(ngồi trên lá sen kêu ộp ộp.)]